

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2017/HSST
Ngày: 28- 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vàng A Lù - Chuyên viên ban Dân vận huyện ủy Văn Chấn.

2. Ông Hà Văn Tý - Giáo viên nghỉ hưu; trú tại: xã Phúc Sơn, huyện Văn Chấn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa: Ông Hà Lập Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2017/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. NÔNG VĂN P, sinh ngày 14/01/1994 tại huyện V, tỉnh Yên Bái; trú tại: Thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 8/12; con ông Nông Văn C (đã chết) và bà Lê Thị S, sinh năm 1948; vợ con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/10/2017. *Có mặt.*

2. NGÂN VĂN T, sinh ngày 01/4/1997 tại huyện V, tỉnh Y; trú tại: Thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12 con ông Ngân Văn P, sinh năm 1954 và bà Hà Thị P, sinh năm 1966; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; hiện bị cáo tại ngoại nơi cư trú. *Có mặt.*

- *Người bị hại:* Lò Văn H, sinh ngày 13/8/2001; trú tại: Bản V, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. *Vắng mặt.*

- *Người Đại diện hợp pháp đồng thời là người bảo vệ quyền lợi của người bị hại:* Ông Lò Văn V, sinh năm 1977; trú tại: Bản V, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. *Vắng mặt..*

- *Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:* Hà Văn T, sinh năm 1985; trú tại: Bản V, xã S, huyện V. *Vắng mặt.*

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nông Văn P và Ngân Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 04/10/2017, Nông Văn P và Ngân Văn T gặp nhau tại hội trường thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh Yên Bái. T hỏi P có tiền đi chơi không thì P chỉ

vào chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21K1-235.84 của Lò Văn H dựng tại lề đường bên phải theo hướng đi huyện M, P nói “ *Tiền ở đây này*” rồi P bảo T đứng ở đầu đường rẽ lên hội trường thôn để cảnh giới, còn P đi bộ đến chỗ để xe mô tô, quan sát thấy không có ai để ý, P lấy trong túi quần ra 01 văm phá khóa đã chuẩn bị từ trước để vặn mở ổ khóa điện, P dắt xe mô tô đi cách vị trí ban đầu khoảng 02 mét, hướng đi thị xã N rồi gọi T sang bên đường nổ máy xe mô tô, chở T đi theo đường quốc lộ 32 theo hướng đi thị xã N và mang chiếc xe mô tô tìm bán cho anh Hà Văn T ở bản V, xã S, huyện V với giá 2.500.000 đồng, số tiền trên P và T đã tiêu sài hết. Tại cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện V, P và T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Kết luận định giá tài sản số 33a ngày 06/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21K1- 235.84 nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS màu đỏ - trắng, xe đã qua sử dụng trị giá 13.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 67/KSĐT- KT ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố các bị cáo Nông Văn P và Ngân Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn P từ 06 đến 09 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Ngân Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các bị cáo Nông Văn P và Ngân Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng đã bị thu giữ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện: Khoảng 20 giờ, ngày 04/10/2017 Nông Văn P và Ngân Văn T đã bàn bạc với nhau, và lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21K1- 235.84, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS màu đỏ - trắng của anh Lò Văn H có trị giá 13.000.000 đồng, mục đích trộm cắp xe để bán lấy tiền chia nhau tiêu sài. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nông Văn P và Ngân Văn T đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nông Văn P và Ngân Văn T lụ những ng-êi có n-ng lúc tr, ch nhiÖm h×nh sù, nhËn thøc ®-íc viÖc trộm cắp tại s¶n sã b¶ xõ lý theo ph,p luËt, nh-ng vì muốn có tiền tiêu sài nên các bị cáo vËn cè ý thùc hiÖn. Hnh vi ph¹m tói của các b¶ c, o ®· x©m h¹i ®Ön quyÖn sẽ h÷u tại s¶n của c«ng d©n, ¶nh h-ëng ®Ön an ninh trÛt tù ẽ ®ãa ph-¬ng, n¹n ph¶i ®-íc xõ lý nghiêm minh theo ®óng ph,p luËt.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Các bị cáo có sự bàn bạc với nhau nhưng sự bàn bạc và thống nhất giữa các bị cáo không chặt chẽ, bị cáo P là người khởi xướng, thực hành tích cực, và chuẩn bị sẵn công cụ để thực hiện tội phạm; bị cáo T là người

thực hành tích cực. Do đó, xác định bị cáo P giữ vai trò chính trong vụ án, và cần có mức hình phạt cao hơn so với bị cáo T.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều phạm tội lần đầu; phạm tội gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với cả hai bị cáo. Đối với bị cáo T sau khi phạm tội ra đầu thú, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân:

Các bị cáo P và T đều chưa có tiền án, tiền sự, nhưng quá trình sinh sống tại địa phương Nông Văn P là người nghiện ma túy, thường xuyên có biểu hiện trộm cắp tài sản trên địa bàn xã và các xã lân cận (BL số 98); Ngân Văn T có biểu hiện sử dụng ma túy, trộm cắp tài sản trên địa bàn xã và các xã lân cận (BL số 124); tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận có sử dụng ma túy thể hiện là những người có nhân thân xấu. Do đó cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Từ những quy định của Bộ luật hình sự và tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo Ngân Văn T là chưa phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng mức hình phạt như đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, nhưng không cho bị cáo được hưởng án treo. Do bị cáo Ngân Văn T là người có nhân thân xấu, không đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 01/2013/NQ - HĐTP ngày 06/11/2013 hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo do Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành

Về hình phạt bổ sung:

Xét các bị cáo Nông Văn P và Ngân Văn T có hoàn cảnh kinh tế còn nghèo, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Lò Văn V đã nhận lại 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21K1- 235.84, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Hà Văn T đã nhận lại số tiền 2.500.000 đồng tiền mua xe mô tô do P và T bán cho, và không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21K1- 235.84, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS màu đỏ - trắng, là xe do ông Lò Văn V, mượn của Lò Văn T (cháu ông V) để sử dụng, cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho ông V.

- Đối với 01 đoạn kim loại hình chữ T; 01 đoạn kim loại dài 8,6 cm là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội xét không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 của bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nông Văn P và Ngân Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn P **09 (chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 06/10/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự Xử phạt bị cáo Ngân Văn T **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo bị đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn kim loại hình chữ T; 01 đoạn kim loại dài 8,6 cm.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/12/2017 tại Cục Thi hành án dân sự huyện V).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nông Văn P và Ngân Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại cả quyền kháng cáo, có bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

- Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- THA hình sự;
- CCTHADS huyện V;
- Công an huyện Văn Chấn; Trại tạm giam
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Phú

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/5/2017 tại Cục Thi hành án dân sự huyện Văn Chấn).

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Lò Văn Khiêu và Hà Văn Tường mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Người bị hại cũng quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa